

Ngày 30/09/2025	20,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.8%	37.3%	37.3%

	Q3/25	
ROE	17.1%	+/- YoY ▲ 14.6%

	Q3/25		
DT thuần	8,217	QoQ ▲ 1,434 ▲ 21.1%	YoY ▲ 1,441 ▲ 21.3%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	20,547	YoY ▲ 4,318 ▲ 26.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	480	QoQ ▲ 21.0 ▲ 4.6%	YoY ▲ 27.0 ▲ 6.0%
	tỷ VNĐ		

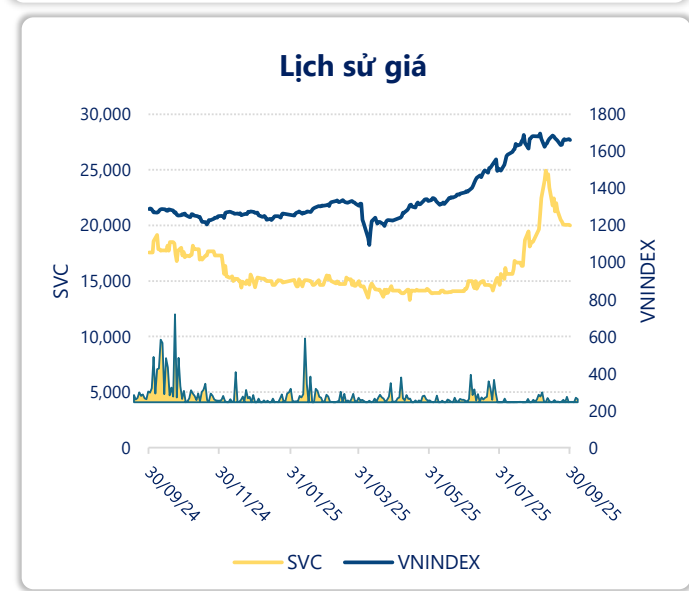
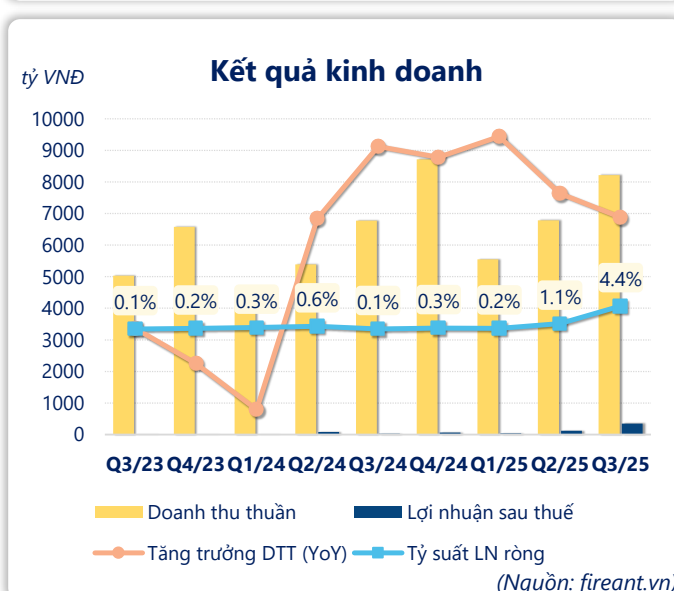
	9T 2025	
LN gộp	1,376	YoY ▲ 197 ▲ 16.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	405	QoQ ▲ 272 ▲ 205%	YoY ▲ 376 ▲ 1308%
	tỷ VNĐ		

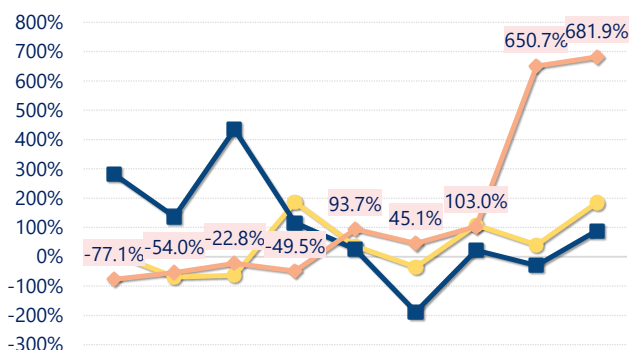
	9T 2025	
LN thuần	567	YoY ▲ 454 ▲ 400%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	345	QoQ ▲ 228 ▲ 194%	YoY ▲ 320 ▲ 1256%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	493	YoY ▲ 373 ▲ 311%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

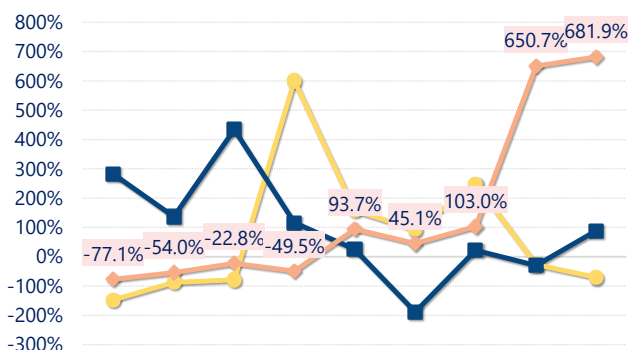


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

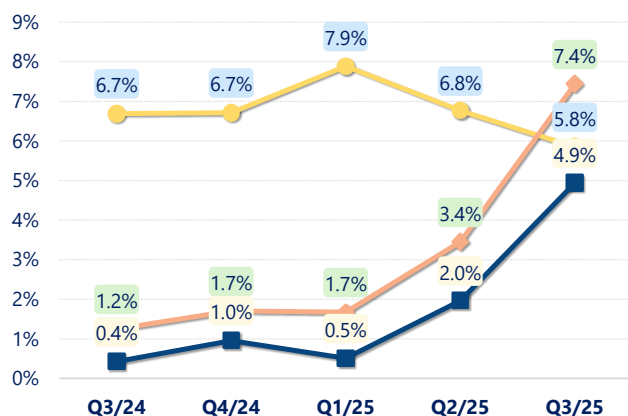


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

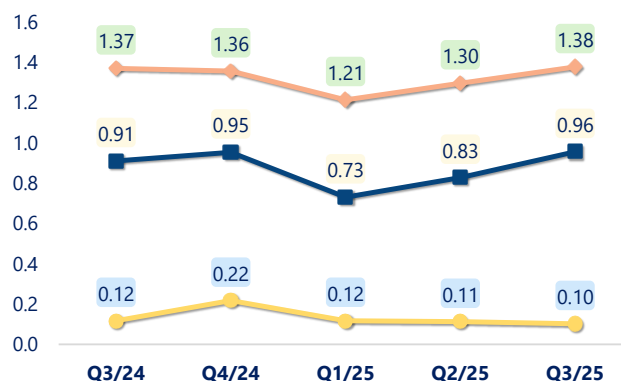
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

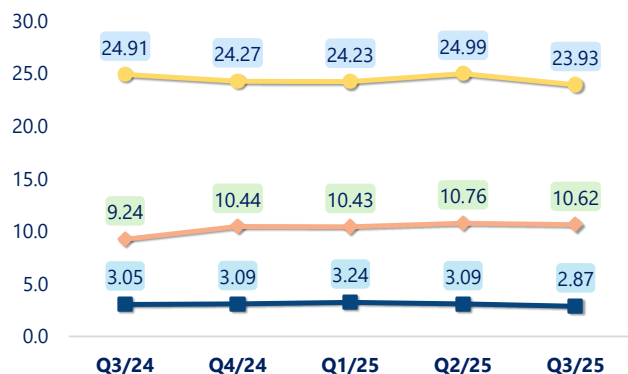
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

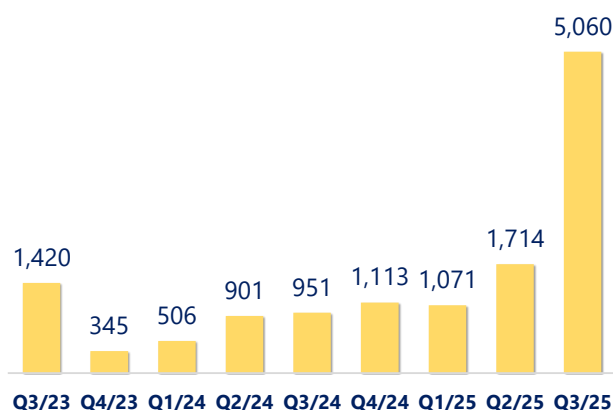
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8,217	6,776	21.3%	20,547	16,229	26.6%
Giá vốn hàng bán	7,737	6,323	22.4%	19,171	15,050	27.4%
Lợi nhuận gộp	480	453	6.0%	1,376	1,179	16.7%
Doanh thu HĐTC	669	20.3	3194%	868	120	624%
Chi phí TC	219	60.4	263%	395	149	166%
Chi phí lãi vay	167	46.3	261%	301	118	155%
LN trong công ty LKLD	3.02	10.3	-70.7%	23.6	33.1	-28.8%
Chi phí bán hàng	325	240	35.4%	796	646	23.2%
Chi phí QLDN	202	155	30.6%	510	424	20.3%
LN thuần từ HĐKD	405	28.8	1308%	567	113	400%
Lợi nhuận khác	38.0	9.51	299%	69.4	24.3	185%
LN trước thuế	443	38.3	1058%	636	138	362%
Lợi nhuận sau thuế	345	25.4	1256%	493	120	311%
LNST của CĐ cty mẹ	364	6.18	5788%	450	51.8	767%

(Nguồn: fireant.vn)

